CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: **87/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2018**

(TCCS 87:2018/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: **KCN BIÊN HOÀ 2, PHƯỜNG LONG BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**

Điện thoại: **02513 -836601** Fax: **02513-836602**

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000136/2017/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 13/02/2017 /Nơi cấp: Cục An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Bột kem pha cà phê Coffee mate
2. Thành phần: Sirô glucose, dầu thực vật hydro hóa, chất ổn định (340(ii), 451(i), 452(i), 331(iii)), natri caseinate (có đạm sữa-contain milk protein), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón 551, muối, hương sữa giống tự nhiên.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ tháng sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

   Qui cách đóng gói: Sản phẩm được đóng trong túi nhôm rồi cho vào hộp giấy với quy cách 450 g/gói; 24 gói/thùng carton.

   Chất liệu bao bì: túi nhôm
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: công ty Nestlé (Thái) Ltd., 234-5 Bangpoo Industrial Estate, Moo 4, Sukhumvit Rd., Praeksa, Mueang, Samutprakarn, Thailand 10280.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *Có nhãn đính kèm*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.8)

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 38/2018/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm
- Quyết định số 3742/2001/QĐ-BYT: Quy định danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm (các chất tạo hương)
- Thông tư 27/2012/TT-BYT: Hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm và Thông tư 08/2015/TT-BYT: Sửa đổi, bổ sung một số quy định của thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2012 của bộ trưởng bộ y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm

3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

-Tiêu chuẩn vi sinh theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (Bản thông tin chi tiết sản phẩm)

-Tiêu chuẩn kim loại nặng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (Bản thông tin chi tiết sản phẩm)

-Tiêu chuẩn Aflatoxin tổng số (B+G) theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (Bản thông tin chi tiết sản phẩm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

...BH.., ngày 27 tháng 08 năm 2018.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM

Jean-Pierre Dawance

Giám Đốc Kỹ Thuật

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI	THỰC PHẨM THƯỜNG	TCCS số: TCCS 87:2018/NVL
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM	**Bột kem pha cà phê Coffee mate**	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Yêu cầu về các chỉ tiêu an toàn:

1.1 Các chỉ tiêu vi sinh vật :

Phù hợp với Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	TSVSVHK	cfu/g	10^5
2	*S.aureus*	/0,1g	Không có
3	*B.cereus*	cfu/g	100
4	*Salmonella*	/25g	Không có

1.2 Hàm lượng kim loại nặng:

Phù hợp với Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/kg	0,1
2	Thủy ngân	mg/kg	0,02
3	Thiếc	mg/kg	250
4	Arsen	mg/kg	2
5	Đồng	mg/kg	20
6	Kẽm	mg/kg	100

1.3 Hàm lượng độc tố vi nấm:

Phù hợp với QCVN 8-1:2011/BYT:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

Phù hợp với tiêu chuẩn nhà sản xuất:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B+G	µg/kg	20

1.4 Giới hạn melamine có thể nhiễm chéo:

Phù hợp với quyết định 38/2008/QĐ-BYT : Quy định mức giới hạn melamine nhiễm chéo trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Melamine	mg/kg	2,5

2. Thành phần cấu tạo:

Sirô glucose, dầu thực vật hydro hóa, chất ổn định (340(ii), 451(i), 452(i), 331(iii)), natri caseinate (có đạm sữa-contain milk protein), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón 551, muối, hương sữa giống tự nhiên.

3. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

Sản xuất bởi công ty Nestlé (Thái) Ltd., 234-5 Bangpoo Industrial Estate, Moo 4, Sukhumviet Rd., Praeksa, Mueang, Samutprakarn, Thailand 10280.

Thương nhân nhập khẩu và tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

TM CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM

Jean-Pierre Dawance

Giám Đốc Kỹ Thuật

CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
S.G.C.N: 4720430001 - Đ.T.N.Ng
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

1.3 cm | 135 cm | 45 cm | 135 cm | 45 cm

125 cm | 125 cm

30 cm

17 cm | 17 cm

15 cm | 15 cm

28 cm | 35 cm

NESTLE - MATE4

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH	Trong một muỗng (3 g)	% GDA*
Năng lượng	15 kcal	
Đường	0 g	
Chất béo	1 g	2 %
Natri	5 mg	0 %
Carbohydrate	2 g	

*% đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày cho người Việt Nam trưởng thành do Viện Dinh Dưỡng - Bộ Y Tế công bố

Good Food, Good Life

Nestlé®

Mách bạn

NESTLÉ COFFEE-MATE tạo béo nhưng không ngọt nên bạn có thể thêm đường tuỳ ý

Tư vấn
1800 6699
(Miễn phí cuộc gọi)
Email: consumer.services@vn.nestle.com
Website: www.nestle.com.vn

Bạn thắc mắc

Làm thế nào để làm dậy lên hương vị của tách cà phê ?

Bạn có biết

Chỉ cần thêm vào tách cà phê 1-2 muỗng NESTLÉ COFFEE-MATE, bạn sẽ làm dậy lên hương vị thơm ngon của tách cà phê hằng ngày

NUTRITIONAL COMPASS®
®Nhãn hiệu đã đăng ký của Société des Produits Nestlé S.A.

[redacted]

15 cm | 15 cm

12 cm | 12 cm

Nestlé Coffee mate

3 Bước để có ly cà phê ngon

1. Cho NESCAFÉ Red Cup & đường theo khẩu vị vào ly
2. Châm nước nóng
3. Thêm 2 tới 3 muỗng (khoảng 6-9 g) NESTLÉ COFFEE-MATE khi nước còn nóng. Khuấy đều, và thưởng thức

Nestlé Coffee mate

BỘT KEM PHA CÀ PHÊ

Nestlé®

Coffee mate®

KHỐI LƯỢNG TỊNH
450 g

Trong 1 khẩu phần 3g | Năng lượng 15 kcal | Đường 0 g | Chất béo 1 g 2%* | Natri 5 mg 0%* | Xem chi tiết

*Nhưng đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày cho người trưởng thành

Hình ảnh chỉ dùng tính minh họa

NSX:
HSD: [redacted]

Nestlé Coffee mate

CHÚ Ý:
KHÔNG DÙNG ĐỂ NUÔI TRẺ DƯỚI 12 THÁNG TUỔI

Thành Phần:
Sirô glucose, dầu thực vật hydro hóa, chất ổn định (340(ii), 451(i), 452(i), 331(iii)), natri caseinate (có đạm **sữa**-contain **milk** protein), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón 551, muối, hương sữa giống tự nhiên.

Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh lưu trữ ở nhiệt độ cao.
Chú ý: không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.
Không sử dụng sản phẩm quá hạn sử dụng.

Thương nhân nhập khẩu và tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

NSX & HSD được ghi trên bao bì.

Sản xuất tại Thái Lan
bởi công ty Nestlé (Thai) Ltd.
234-5, Bangpoo Industrial Estate,
Moo 4, Sukhumvit Rd., Praeksa,
Mueang, Samutprakarn, Thailand
10280
Product of Thailand
Food Serial No
11-1-03946-2-0001

Tiêu chuẩn sản phẩm số:
TCCS 87:2018/NVL

205 cm

31 cm

Report N°: 18072603FC

Ho Chi Minh City, Date: July 26, 2018
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 26/07/2018

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL18/06964
Đơn hàng: FDL18/06964

CLIENT'S NAME : **CÔNG TY TNHH NESTLE VIỆT NAM**
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : **KCN BIÊN HÒA 2, P. LONG BÌNH, TP. BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI**
Địa chỉ

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description *Mô tả mẫu*	: **COFFEE-MATE** : *Bột Kem Pha Cà Phê*
Number of sample *Số lượng mẫu*	: 01 sample : *01 mẫu*
Sample characterisation/ condition *Tình trạng mẫu*	: Sample in full label packaging (paper box) : *Mẫu chứa trong bao bì nhãn mác đầy đủ (hộp giấy)*
Client's reference *Chú thích của khách hàng*	: **BỘT KEM PHA CÀ PHÊ COFFEE-MATE** (NSX: 04/04/2018, HSD: 31/03/2020, 80940523F 14:43)
Date sample(s) received *Ngày nhận mẫu*	: July 17, 2018 : *17/07/2018*
Testing period *Thời gian thử nghiệm*	: July 17 – July 26, 2018 : *17/07/2018 – 26/07/2018*
Test requested *Yêu cầu thử nghiệm*	: As applicant's requirement : *Theo yêu cầu của khách hàng*
Test result *Kết quả kiểm nghiệm*	: Please refer to the next page(s) : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateeCertificate.jsp.

DETAIL TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis *Chỉ tiêu phân tích*	**Method** *Phương pháp*	**Result** *Kết quả*	**Unit** *Đơn vị*
1. Total Plate Count *Tổng vi khuẩn hiếu khí*	ISO 4833-1:2013 (A) (H)	< 10	cfu/g
2. *Bacillus cereus* *Bacillus cereus*	AOAC 980.31 (20th Ed., 2016) (A)	< 10	cfu/g
3. *Salmonella* spp. *Salmonella spp.*	ISO 6579-1:2017 (A)	Not Found *Không phát hiện* LOD_{50} = 1.5 cfu	/25g
4. *Staphylococcus aureus* *Staphylococcus aureus*	US FDA BAM Chapter 12 (2016)	Not Found *Không phát hiện*	/0.1g
5. Aflatoxin B1 *Aflatoxin B1*	AOAC 2005.08 (20th Ed., 2016)	Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.1	µg/kg
6. Aflatoxin B2 *Aflatoxin B2*		Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.1	µg/kg
7. Aflatoxin G1 *Aflatoxin G1*		Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.1	µg/kg
8. Aflatoxin G2 *Aflatoxin G2*		Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.1	µg/kg
9. Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) *Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)*		Not detected *Không phát hiện*	µg/kg
10. Aflatoxin M1 *Aflatoxin M1*	ISO 14501:2007	Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.03	µg/kg
11. Melamine *Melamine*	BS EN 16858:2017 (A)	Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.01	µg/kg
12. Arsenic (As) *Asen*	Ref. AOAC 2013.06 (20th Ed., 2016) (A) (H) (T)	Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.07	mg/kg
13. Lead (Pb) *Chì*		Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.03	mg/kg
14. Mercury (Hg) (**) *Thủy ngân*	QTTN/KT3 064:2016	Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.015	mg/kg

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateeCertificate.jsp.

Note/*Ghi chú*:

- LOD = Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
- (**) The test was performed by subcontractor/*Phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
- The method(s) remarked with (A), (H) and (T) is (are) designated by the Ministry of Agriculture and Rural Development, the Ministry of Health, and the Ministry of Industry and Trade, respectively.
  Phương pháp được đánh dấu bằng chữ (A), (H) và (T) là phương pháp tương ứng được công nhận bởi Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, Bộ Y Tế, và Bộ Công Thương

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 30 DAYS ONLY
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 30 ngày
END OF THE REPORT

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự

M.S.D.N: 0100114025 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN - QUẬN 3 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Lâm Văn Xự
Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateeCertificate.jsp.

VILAS 237

Report N°: 18072603FB

Ho Chi Minh City, Date: July 26, 2018
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 26/07/2018

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL18/06964
Đơn hàng: FDL18/06964

CLIENT'S NAME : **CÔNG TY TNHH NESTLE VIỆT NAM**
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : **KCN BIÊN HÒA 2, P. LONG BÌNH, TP. BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI**
Địa chỉ

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description *Mô tả mẫu*	: **COFFEE-MATE** : *Bột Kem Pha Cà Phê*
Number of sample *Số lượng mẫu*	: 01 sample : *01 mẫu*
Sample characterisation/ condition *Tình trạng mẫu*	: Sample in full label packaging (paper box) : *Mẫu chứa trong bao bì nhãn mác đầy đủ (hộp giấy)*
Client's reference *Chú thích của khách hàng*	: **BỘT KEM PHA CÀ PHÊ COFFEE-MATE** (NSX: 04/04/2018, HSD: 31/03/2020, 80940523F 14:43)
Date sample(s) received *Ngày nhận mẫu*	: July 17, 2018 : *17/07/2018*
Testing period *Thời gian thử nghiệm*	: July 17 – July 26, 2018 : *17/07/2018 – 26/07/2018*
Test requested *Yêu cầu thử nghiệm*	: As applicant's requirement : *Theo yêu cầu của khách hàng*
Test result *Kết quả kiểm nghiệm*	: Please refer to the next page(s) : *Vui lòng tham khảo trang sau*

M.S.D.N: 0100114025-C.. CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẬN 3-T.P. HỒ CHÍ

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateeCertificate.jsp.

DETAIL TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	Unit *Đơn vị*
1. Copper (Cu) *Đồng*	Ref. AOAC 2011.14 (20th Ed., 2016) (A) (H) (T)	Not detected *Không phát hiện* LOD = 0.7	mg/kg
2. Zinc (Zn) *Kẽm*		Not detected *Không phát hiện* LOD = 2	mg/kg
3. Tin (Sn) (**) *Thiếc*	QTTN/KT3 162:2017	Not detected *Không phát hiện* LOD = 2	mg/kg

Note/*Ghi chú*:

- LOD = Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
- (**) The test was performed by subcontractor/*Phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
- The method(s) remarked with (A), (H) and (T) is (are) designated by the Ministry of Agriculture and Rural Development, the Ministry of Health, and the Ministry of Industry and Trade, respectively.
  Phương pháp được đánh dấu bằng chữ (A), (H) và (T) là phương pháp tương ứng được công nhận bởi Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, Bộ Y Tế, và Bộ Công Thương

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 30 DAYS ONLY
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 30 ngày
END OF THE REPORT

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự

M.S.D.N: 0100114025-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẬN 3 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Lâm Văn Xự
Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateeCertificate.jsp.

234-5 BANGPOO INDUSTRIAL
ESTATE, MOO 4 PRAEKSA,
SUKHMVIT ROAD, AMPHUR MUANG,
SAMUTPRAKARN 10280 THAILAND.
TEL: (662) 6487800
TELEFAX: (662) 7093577

Nestlé
Good Food, Good Life

13/07/2018

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Sản phẩm: **COFFEE MATE (CM104-1)**

Chất gây ô nhiễm:

Thông số	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Aflatoxin B+G	µg/kg	20
Chì	mg/kg	0,1
Thủy ngân	mg/kg	0,02
Thiếc	mg/kg	250
Arsen	mg/kg	2
Đồng	mg/kg	20
Kẽm	mg/kg	100
Melamine	mg/kg	2,5

Thử nghiệm vi sinh:

Thông số	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	100,000
S.aureus	/0,1g	Không có
B.cereus	cfu/g	100
Salmonella	/25g	Không có

(đã ký)
Trưởng bộ phận quản lý chất lượng

(đã ký)
Giám đốc nhà máy

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 17 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Chu Cảnh Hưng, Thành phố Hà Nội.
Tôi, là Công chứng viên Văn phòng Công chứng Chu Cảnh Hưng, thành phố Hà Nội.

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do ông Trương Công Đạt, CMND số: 168410115 cấp ngày 28/04/2009 tại Hà Nam, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Chu Cảnh Hưng, Thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của ông Trương Công Đạt;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Bản dịch gồm tờ, trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Chu Cảnh Hưng, Thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 434 ; Quyển số: 01 -TP/CC-SCC/BD

Người dịch	**CÔNG CHỨNG VIÊN**
Trương Công Đạt	**ĐOÀN NGÀ**

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CHU CẢNH HƯNG
TX. SƠN TÂY - T.P HÀ NỘI

234-5 BANGPOO INDUSTRIAL
ESTATE, MOO 4 PRAEKSA,
SUKHMVIT ROAD, AMPHUR MUANG,
SAMUTPRAKARN 10280 THAILAND.
TEL: (66 2)6487800
TELEFAX: (662) 7093577

Nestlé
Good Food, Good Life

Date 13th July 2018

SPECIFICATION

Product: **COFFEE MATE (CM104-1)**

Contaminants:

Parameter	unit	Max Limit
Aflatoxin B+G	µg/kg	20
Lead	mg/kg	0.1
Mercury	mg/kg	0.02
Tin	mg/kg	250
Arsenic	mg/kg	2
Copper	mg/kg	20
Zinc	mg/kg	100
Melamine	mg/kg	2.5

Microbiological tests:

Parameter	unit	Max Limit
Aerobic Mesophilic Counts	cfu/g	100,000
S.aureus	/0.1g	Absent
B.cereus	cfu/g	100
Salmonella	/25g	Absent

.....
QA Factory Manager

.....
Factory Manager